

Số: 573 /KL-STP

Lai Châu, ngày 12 tháng 7 năm 2019

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về đăng ký, quản lý hộ tịch, nuôi con nuôi trong nước và chứng thực đối với UBND thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu

Thực hiện Quyết định thanh tra số 55/QĐ-STP ngày 29/5/2019 của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đăng ký, quản lý hộ tịch, chứng thực và nuôi con nuôi trong nước trên địa bàn huyện Than Uyên; từ ngày 10/6/2019 đến hết ngày 13/6/2019, Đoàn thanh tra theo Quyết định thanh tra số 55/QĐ-STP ngày 29/6/2019 đã tiến hành thanh tra tại UBND thị trấn Than Uyên.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 28/6/2019 của Trưởng đoàn thanh tra và ý kiến giải trình của UBND thị trấn Than Uyên tại Báo cáo số 118/BC-UBND ngày 15/6/2019,

Giám đốc Sở Tư pháp Kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

UBND thị trấn Than Uyên bố trí 02 công chức có trình độ chuyên môn (Đại học luật) làm công tác tư pháp - hộ tịch; 02 công chức này thường xuyên được cử tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ do Phòng Tư pháp huyện Than Uyên và Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu tổ chức. UBND thị trấn Than Uyên đã trang bị máy vi tính có kết nối internet với cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đảm bảo đủ điều kiện cần thiết để các công chức làm công tác tư pháp - hộ tịch thực hiện nhiệm vụ được giao; thực hiện tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ đăng ký, quản lý hộ tịch, chứng thực của công dân tại Bộ phận một cửa.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. VIỆC NIÊM YẾT CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Tại thời điểm thanh tra, UBND thị trấn Than Uyên đã thực hiện niêm yết công khai các thủ tục, thời gian giải quyết, mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch, phí chứng thực tại trụ sở làm việc theo quy định.

II. CÔNG TÁC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ HỘ TỊCH

1. Đăng ký khai sinh (ĐKKS): Năm 2018 thực hiện ĐKKS cho 184 trường hợp, trong đó: ĐKKS đúng hạn 132 trường hợp, ĐKKS quá hạn 01 trường hợp, đăng ký lại việc sinh 51 trường hợp.

- Hồ sơ, thủ tục ĐKKS cơ bản đảm bảo theo quy định tại Mục 1 Luật Hộ tịch năm 2014, Điều 26 Nghị định số 123 và Thông tư số 15 (đăng ký quá hạn thực hiện theo đúng quy định). Tuy nhiên, ĐKKS đúng hạn và đăng ký lại khai sinh có một số tồn tại, hạn chế:

+ Đăng ký khai sinh đúng hạn: Hồ sơ số 16, 24, 26, ... Tờ khai chưa ghi đầy đủ thông tin về nơi cấp giấy tờ tùy thân của người đi đăng ký khai sinh; Hồ sơ số 88, Giấy chứng sinh là bản sao.

+ Đăng ký lại khai sinh: Hồ sơ số 38, 58, 61, 166, 17, ... Tờ khai bỏ trống mục nội dung “Lý do đăng ký lại” và “Đã đăng ký khai sinh trước đây tại”; một số hồ sơ như hồ sơ số 03, 13, 81, 156... không đủ các giấy tờ để xác định nội dung đăng ký khai sinh và không có văn bản cam đoan đã nộp đủ giấy tờ của người đăng ký lại khai sinh; đồng thời không có văn bản xác minh về việc còn lưu giữ sổ hộ tịch tại nơi đã đăng ký khai sinh trước đây; hồ sơ như hồ sơ số 73, 104, 114, ... bản sao Giấy khai sinh bị rách, mờ không thể hiện rõ các nội dung về cha, mẹ, dân tộc, quốc tịch ... nhưng không kèm theo các giấy tờ khác để làm căn cứ để đăng ký khai sinh; hồ sơ số 03, 13, 156, ... không có giấy tờ chứng minh mối quan hệ cha, mẹ con.

- Việc lập, khóa; lưu trữ, bảo quản; sửa chữa sai sót; sử dụng; cách ghi Sổ ĐKKS: Thực hiện theo quy định tại Điều 58 Luật Hộ tịch năm 2014; Điều 11, 12, Nghị định 123 và điểm b khoản 1 Điều 17, 19, 20, 21, 26, 27, 28 Thông tư 15. Tuy nhiên, việc sửa chữa sai sót trong Sổ ĐKKS không đúng quy định (trang số: 3, 37, 61, 97, 125, 132).

2. Đăng ký kết hôn (ĐKKH): Năm 2018, theo báo cáo của UBND thị trấn Than Uyên đã thực hiện ĐKKH 46 trường hợp, trong đó ĐKKH lần đầu 46 trường hợp, nhưng qua kiểm tra (hồ sơ, thủ tục, Sổ ĐKKH) có 40 trường hợp là đăng ký kết hôn lần đầu, 06 trường hợp không phải đăng ký kết hôn lần đầu (hồ sơ số: 02, 05, 08, 12, 16, 46).

- Hồ sơ, thủ tục ĐKKH cơ bản đảm bảo theo quy định tại Mục 2 Luật Hộ tịch năm 2014, Điều 27 Nghị định số 123 và Thông tư số 15. Tuy nhiên, có một số tồn tại, hạn chế:

+ Hồ sơ số 04, không có Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trong hồ sơ, thủ tục lưu, không đúng theo quy định tại Khoản 1, Điều 10 Nghị định số 123 (*Trường hợp đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã mà người yêu cầu đăng ký kết hôn không thường trú tại xã, phường, thị trấn nơi đăng ký kết hôn thì phải nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền cấp theo quy định...*).

+ Hồ sơ số 15, lưu Bản sao chứng minh nhân dân của Đỗ Thanh Tuyền, không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 123 (*Hai bên nam, nữ*

nộp Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu quy định cho cơ quan đăng ký hộ tịch và cùng có mặt khi đăng ký kết hôn).

+ Hồ sơ số 22, chữ ký tại Tờ khai khác với chữ ký trong Sổ ĐKKH, không đảm bảo theo quy định tại Khoản 4, Điều 3 Thông tư số 15 (*Chữ ký của người yêu cầu đăng ký hộ tịch trên Tờ khai đăng ký hộ tịch, giấy tờ hộ tịch và Sổ hộ tịch phải thống nhất; không được ký các chữ ký khác nhau*).

+ Hồ sơ số 02 và số 46, là các trường hợp ĐKKH không phải lần đầu, nhưng khi ghi vào Sổ ĐKKH lại ghi là cuộc kết hôn lần đầu, không đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 19 Thông tư số 15 (*Khi ghi vào Sổ hộ tịch, phải ghi theo đúng nội dung của giấy tờ hộ tịch*).

- Việc lập, khóa; lưu trữ, bảo quản; sửa chữa sai sót; sử dụng; cách ghi Sổ ĐKKH: Đảm bảo thực hiện theo quy định tại Điều 58 Luật Hộ tịch năm 2014; Điều 11, 12, Nghị định số 123 và điểm b khoản 1 Điều 17, 19, 20, 22, 26, 27, 28 Thông tư số 15.

3. Xác nhận tình trạng hôn nhân (XNTTHN): Năm 2018, thực hiện XNTTHN cho 39 trường hợp, cấp Giấy XNTTHN để đăng ký kết hôn 26 trường hợp, nhằm mục đích khác là 13 trường hợp.

- Hồ sơ, thủ tục XNTTHN và cấp Giấy XNTTHN cơ bản đảm bảo theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 123. Tuy nhiên, có một số tồn tại, hạn chế:

+ Hồ sơ số 15 và số 34: Thành phần hồ sơ, thủ tục lưu không đúng quy định (bản phô tô giấy chứng minh dân nhân của bên yêu cầu cấp Giấy XNTTHN) tại Điều 22 Nghị định số 123 (*Người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân nộp Tờ khai theo mẫu quy định....*).

+ Hồ sơ số 29: Thiếu các văn bản liên quan đến việc ly hôn của người đề nghị cấp Giấy XNTTHN (bà Nguyễn Thị Bích Hồng), không đúng theo quy định tại Khoản 2, Điều 22 Nghị định số 123 (*Trường hợp người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân đã có vợ hoặc chồng nhưng đã ly hôn hoặc người vợ hoặc chồng đã chết thì phải xuất trình hoặc nộp giấy tờ hợp lệ để chứng minh; nếu thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 37 của Nghị định này thì nộp bản sao trích lục hộ tịch tương ứng*).

- Việc lập, khóa; lưu trữ, bảo quản; sửa chữa sai sót; sử dụng; cách ghi Sổ cấp Giấy XNTTHN: Thực hiện theo quy định tại Điều 58 Luật Hộ tịch năm 2014; Điều 11, Điều 12 Nghị định 123 và điểm d khoản 1 Điều 17, 19, 20 25 Thông tư 15.

4. Đăng ký khai tử (ĐKKT): Năm 2018, thực hiện ĐKKT 27 trường hợp, trong đó: ĐKKT đúng hạn 17 trường hợp, ĐKKT quá hạn 10 trường hợp.

- Hồ sơ, thủ tục ĐKKT cơ bản thực hiện theo quy định tại Mục 7 Luật Hộ tịch năm 2014, Điều 18 Nghị định số 123 và Thông tư số 15. Tuy nhiên, còn một số tồn tại, hạn chế:

+ 26/27 trường hợp ĐKKT không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế giấy báo tử, chưa đảm bảo theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Luật Hộ tịch năm 2014 (*Người có trách nhiệm đi đăng ký khai tử nộp tờ khai theo mẫu quy định và Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế giấy báo tử cho cơ quan đăng ký hộ tịch*).

+ **Việc lập, khóa; lưu trữ, bảo quản; sửa chữa sai sót; sử dụng; cách ghi Sổ ĐKKT:** Sổ được lập, khóa; lưu trữ, bảo quản; sửa chữa sai sót; sử dụng theo quy định. Tuy nhiên, cách ghi Sổ chưa đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17, Điều 19, 20, 23 Thông tư 15 các trang trong Sổ ĐKKT còn để trống nội dung “*Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế giấy báo tử*” và có 01 trường hợp (hồ sơ số 18) có Giấy báo tử nhưng trong Sổ ĐKKT bỏ trống, không ghi số Giấy báo tử, cơ quan cấp Giấy báo tử, không đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 19 Thông tư số 15 (*Khi ghi vào Sổ hộ tịch, phải ghi theo đúng nội dung của giấy tờ hộ tịch*).

5. Thay đổi, cải chính hộ tịch (TĐ, CCHT): Năm 2018, thực hiện thay đổi, cải chính hộ tịch 11 trường hợp.

- Hồ sơ, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 26, 27, 28 Luật Hộ tịch năm 2014, Điều 7 Nghị định 123 và điểm đ khoản 1 Điều 17 Thông tư số 15.

- Sổ được lập, khóa; lưu trữ, bảo quản; sửa chữa sai sót; cách ghi Sổ theo quy định.

6. Đăng ký nhận cha, mẹ, con: Không có.

7. Nuôi con nuôi trong nước: Không có.

8. Ghi vào Sổ hộ tịch các thay đổi hộ tịch khác: Không có.

9. Việc thu phí hộ tịch: Không lập Sổ ghi việc thu lệ phí hộ tịch.

III. CÔNG TÁC CHỨNG THỰC

1. Chứng thực bản sao từ bản chính: Năm 2018, chứng thực 4.301 trường hợp với 12.610 bản.

- Mức thu phí chứng thực bản sao từ bản chính được thu theo quy định (2.000 đồng/trang. Từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính) tại Điều 4 Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực (sau đây gọi tắt là Thông tư số 226).

- Sổ chứng thực và sổ chứng thực bản sao từ bản chính được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều về chứng thực bản sao từ bản chính; chứng thực chữ ký (sau đây gọi tắt là Thông tư số 20) và Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định về cấp bản sao từ Sổ gốc; chứng thực bản sao từ bản chính; chứng thực chữ ký; chứng thực hợp đồng, giao dịch (sau đây gọi tắt là Nghị định số 23).

- Chế độ lưu trữ Sổ bản sao từ bản chính thực hiện theo quy định.

2. Chứng thực chữ ký, chứng thực điểm chỉ: Năm 2018, chứng thực chữ ký, chứng thực điểm chỉ 225 trường hợp.

- Mức thu phí chứng thực chữ ký, chứng thực điểm chỉ được thu theo quy định (10.000 đồng/trường hợp) tại Điều 4 Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.

- Áp dụng mẫu Sổ chứng thực chữ ký, chứng thực điểm chỉ theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 23.

- Việc lập Sổ, ghi số chứng thực và khóa Sổ chứng thực chữ ký, chứng thực điểm chỉ được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 23.

- Chế độ lưu trữ Sổ, lưu trữ giấy tờ, văn bản khi chứng thực chữ ký, chứng thực điểm chỉ thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 20 và Điều 13 Nghị định số 23.

- Mẫu lời chứng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20.

3. Chứng thực hợp đồng, giao dịch: Năm 2018, chứng thực 525 trường hợp, trong đó: 227 trường hợp chứng thực Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất, 230 trường hợp chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất, 14 trường hợp chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch, chứng thực di chúc 03 trường hợp, chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, khai nhận di sản, từ chối nhận di sản 51 trường hợp.

- Mức thu phí hợp đồng, giao dịch và chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch được thu theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 226 (hợp đồng, giao dịch: 50.000 đồng/trường hợp và chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch: 30.000 đồng/trường hợp).

- Áp dụng mẫu Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 23.

- Việc lập Sổ, ghi sổ chứng thực và khóa Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 23.

- Chế độ lưu trữ Sổ, lưu trữ giấy tờ, văn bản khi chứng thực hợp đồng, giao dịch thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 20 và Điều 13 Nghị định số 23.

- Thực hiện lời chứng và mẫu lời chứng đúng theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 23.

- Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch: Thực hiện theo quy định nhưng có tồn tại: 518/525 hồ sơ lưu thừa một số giấy tờ, không đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23 "a) Dự thảo hợp đồng, giao dịch; b) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực; c) Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó; trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng. Bản sao giấy tờ quy định tại Điểm b và Điểm c của Khoản này được xuất trình kèm bản chính để đối chiếu".

IV. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm:

UBND thị trấn Than Uyên, quan tâm chỉ đạo, tổ chức triển khai, thực hiện các nhiệm vụ về công tác hộ tịch, chứng thực, nuôi con nuôi trong nước theo thẩm quyền; đã bố trí 02 công chức có trình độ chuyên môn Đại học làm công tác tư pháp - hộ tịch, luôn cử các công chức này tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ do phòng Tư pháp huyện và Sở Tư pháp tổ chức; trang bị máy vi tính có kết nối internet với cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đảm bảo đủ điều kiện cần thiết để các công chức làm công tác tư pháp - hộ tịch thực hiện nhiệm vụ được giao; bố trí công chức tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ đăng ký, quản lý hộ tịch, chứng thực của công dân tại Bộ phận một cửa.

1.1. Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch:

- Thực hiện niêm yết công khai thủ tục, thời gian giải quyết, lệ phí đăng ký hộ tịch theo quy định.

- Thủ tục, hồ sơ đăng ký khai sinh; đăng ký kết hôn; cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; đăng ký khai tử; thay đổi, cải chính hộ tịch; cấp trích lục hộ tịch; lưu trữ hồ sơ; lập, ghi chép, khóa, lưu trữ sổ hộ tịch cơ bản thực hiện theo quy định của Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số 123 và Thông tư số 15.

1.2. Công tác chứng thực:

- Thực hiện niêm yết công khai thủ tục, thời gian giải quyết, phí chứng thực theo quy định.

- Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng, giao dịch, thu phí; lưu hồ sơ chứng thực; lập, ghi chép, khóa, lưu trữ sổ chứng thực theo quy định của Nghị định số 23, Thông tư số 20 và Thông tư số 226.

2. Tồn tại, hạn chế, khuyết điểm:

2.1. Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch:

2.1.1. Hồ sơ, thủ tục đăng ký hộ tịch; việc lập, khóa; lưu trữ, bảo quản; sửa chữa sai sót; sử dụng; cách ghi Sổ hộ tịch:

*** Đăng ký khai sinh:**

- ĐKKS đúng hạn: Một số Tờ khai ghi chưa đầy đủ thông tin về nơi cấp giấy tờ tùy thân (hồ sơ số: 16, 24, 26,...); hồ sơ số 88, thành phần hồ sơ giấy chứng sinh là bản sao không đúng theo quy định.

- Đăng ký lại khai sinh:

+ Một số hồ sơ, thủ tục chưa đầy đủ, chưa đảm bảo theo quy định và Tờ khai không ghi thông tin về nơi đã ĐKKS trước đây (hồ sơ số: 38, 58, 61, 97, 129, 130, 134, 151, 152, 166, 174, 175...).

+ Không có bản sao Giấy khai sinh, bản sao hoặc bản chính các giấy tờ có giá trị thay thế Giấy khai sinh được cấp trước năm 1945 ở miền bắc và trước năm 1975 ở miền nam; không có văn bản cam đoan đã nộp đầy đủ giấy tờ của mình; không có văn bản xác minh, văn bản trả lời xác minh của nơi đã ĐKKS trước đây hoặc văn bản cam đoan về nội dung xác minh của bản thân người ĐKKS đối với trường hợp không nhận được văn bản trả lời của cơ quan đã ĐKKS trước đây, chưa đảm bảo theo quy định (hồ sơ số: 03, 13, 81, 97, 134, 151, 152, 156, 157, 167...).

+ Không có văn bản xác minh của cơ quan đăng ký hộ tịch với cơ quan đã đăng ký hộ tịch trước đây về việc lưu trữ Sổ hộ tịch và không có kèm theo văn bản trả lời của cơ quan được xác minh, hay văn bản cam đoan về nội dung xác minh của người yêu cầu đăng ký khai sinh; Giấy khai sinh không thể hiện đầy đủ thông tin về cha, mẹ, dân tộc, quốc tịch ...để làm căn cứ ghi các thông tin vào cơ sở dữ liệu về hộ tịch (Giấy khai sinh bản sao bị rách, mờ hoặc được cấp không đúng thẩm quyền và hồ sơ, thủ tục không kèm theo các loại giấy tờ khác để làm cơ sở để thực hiện việc ĐKKS) (hồ sơ số: 73, 104, 114...).

+ Không có giấy tờ chứng minh về mối quan hệ cha mẹ, con, chưa đảm bảo theo quy định (hồ sơ số: 03, 13, 156...).

- Việc sửa chữa sai sót trong Sổ ĐKKS không đúng quy định (trang số: 3, 37, 61, 97, 125, 132).

* **Đăng ký lại kết hôn:** Hồ sơ số 04, không có Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trong hồ sơ, thủ tục lưu; hồ sơ số 15, lưu Bản sao chứng minh nhân dân của Đỗ Thanh Tuyền; hồ sơ số 22, chữ ký tại Tờ khai khác với chữ ký trong Sổ ĐKKH; hồ sơ số 02 và số 46, là các trường hợp ĐKKH không phải lần đầu, nhưng khi ghi vào Sổ ĐKKH lại ghi là cuộc kết hôn lần đầu, không đúng theo quy định.

* **Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân:** Hồ sơ số 15 và số 34, không lưu Tờ khai; hồ sơ số 29, thiếu các văn bản liên quan đến việc ly hôn của người đề nghị cấp Giấy XNTTHN (bà Nguyễn Thị Bích Hồng), chưa đảm bảo theo quy định.

* **Đăng ký khai tử:** 26/27 trường hợp ĐKKT không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử; trong Sổ ĐKKT để trống không ghi nội dung “Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế giấy báo tử” và có 01 trường hợp (hồ sơ số 18) có Giấy báo tử nhưng trong Sổ ĐKKT bỏ trống, không ghi số Giấy báo tử, cơ quan cấp Giấy báo tử, chưa đảm bảo theo quy định.

2.1.2. Thu, quản lý lệ phí hộ tịch: Không lập sổ thu lệ phí hộ tịch.

2.2. Công tác chứng thực: 518/525 hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch lưu thừa một số giấy tờ, không đảm bảo theo quy định

V. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Kiến nghị xử lý hành chính: Chủ tịch UBND thị trấn Than Uyên tổ chức họp rút kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo thực hiện các quy định của pháp luật trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch, nuôi con nuôi trong nước và chứng thực. Chỉ đạo kiểm điểm xác định rõ trách nhiệm các cá nhân, bộ phận có liên quan đến những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện các quy định của pháp luật trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch, nuôi con nuôi trong nước và chứng thực năm 2018.

2. Kiến nghị về xử lý kinh tế: Không.

3. Kiến nghị về quản lý nhà nước:

3.1. Đối với UBND huyện: Tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng hiệu quả trong việc thực hiện các quy định của pháp luật trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch, nuôi con nuôi trong nước và chứng thực trên địa bàn huyện.

3.2. Đối với Phòng Tư pháp: Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch, nuôi con nuôi trong nước và chứng thực theo thẩm quyền quy định.

3.3. Đối với UBND thị trấn Than Uyên: Tiếp tục tổ chức thực hiện và làm tốt chức năng quản lý nhà nước về hộ tịch và chứng thực theo nhiệm vụ, thẩm quyền pháp luật quy định.

4. Thực hiện kết luận thanh tra: UBND thị trấn Than Uyên ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện kết luận thanh tra, thực hiện công khai kết luận thanh tra theo quy định, chỉ đạo các bộ phận, cá nhân thực hiện nghiêm túc nội dung kết luận, kiến nghị về thanh tra tho quy định. Báo cáo thực hiện kết luận thanh tra về Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu đồng thời gửi UBND huyện, Phòng Tư pháp huyện Than Uyên sau 30 ngày kể từ ngày Kết luận thanh tra được ký ban hành.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch, nuôi con nuôi trong nước và chứng thực đối với UBND thị trấn Than Uyên - huyện Than Uyên - tỉnh Lai Châu./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- Thanh tra Bộ Tư pháp;
- Các đ/c Lãnh đạo Sở;
- UBND huyện Than Uyên;
- Phòng Tư pháp Than Uyên;
- UBND thị trấn Than Uyên;
- Trang TTĐT Sở Tư pháp (công khai);
- Lưu: VT, HS.

GIÁM ĐỐC

Lê Thanh Hải